

TỪ BỊ NGHI NGỜ ĐẾN ĐƯỢC YÊU THƯƠNG: TRẢI NGHIỆM ĐIỀN DÃ DÂN TỘC HỌC Ở CỘNG ĐỒNG LÀNG MIỀN BẮC VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI¹

TS. Nguyễn Thị Thanh Bình
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Làng, xã nông thôn Việt Nam là một chủ đề nghiên cứu lớn trong Sử học, Dân tộc học và một số ngành khoa học xã hội. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, đời sống kinh tế - xã hội của các làng quê Việt, đặc biệt là các làng vùng trung du và châu thổ Bắc Bộ đã trải qua một quá trình thay đổi liên tục, lớn lao trong hơn nửa thế kỷ qua. Điều này đặt ra vấn đề liệu phương pháp tiếp cận, điền dã dân tộc học tại làng có cần phải điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh mới. Bài viết này nêu vài trải nghiệm cá nhân khi thực hiện điền dã dài ngày tại một làng vùng châu thổ Bắc Bộ - nơi xảy ra nhiều sự kiện từ khi công cuộc Đổi mới diễn ra, trong đó có hiện tượng tranh chấp đất đai - tư liệu sản xuất và tài sản quý giá nhất của xã hội nông nghiệp. Qua đó, tác giả tập trung thảo luận một số vấn đề về điền dã dân tộc học ở cộng đồng làng xã đương đại.

Từ khóa: Điền dã dân tộc học, phương pháp nghiên cứu, làng xã, châu thổ Bắc Bộ.

Ngày nhận bài: 22/8/2019; ngày gửi phản biện: 27/8/2019; ngày duyệt đăng: 12/10/2019

Mở đầu

Sinh ra tại một làng quê nhỏ ngoại thành Hà Nội, ngay từ khi theo học chuyên ngành Dân tộc học tại Khoa Lịch sử Trường Đại học Tổng hợp (nay là Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội), tôi thường chọn chủ đề liên quan đến làng xã làm tiểu luận nghiên cứu khoa học sinh viên và khóa luận tốt nghiệp. Luận văn thạc sỹ của tôi sau này cũng về vấn đề di cư theo mùa vụ ở một làng vùng châu thổ Bắc Bộ. Khi về công tác tại Viện Dân tộc học, tôi có nguyện vọng và được phân công làm việc tại Phòng Nghiên cứu người Việt (nay là Phòng Nghiên cứu tộc người Việt), nơi có nhiều cán bộ có kiến thức, kinh nghiệm nghiên cứu về làng xã và các đề tài nghiên cứu của Phòng đều tập trung vào vấn đề người Việt và làng vùng Bắc Bộ. Những tương với điều kiện thuận lợi đó, khi thực hiện đề tài luận án tiến sĩ về biến đổi xã hội ở một làng quê vùng châu thổ Bắc Bộ,

¹ Bài viết dựa trên tư liệu từ luận án Tiến sĩ của tác giả "Village Spirit: The Search for Community and the Power of Imagination in Vietnam's Northern Delta", thực hiện tại Đại học quốc gia Úc năm 2010. Tác giả xin chân thành cảm ơn Viện Harvard -Yenching (Hoa Kỳ) và Khoa Nhân học, Đại học Quốc gia Úc đã tài trợ cho nghiên cứu này

tôi có thể dễ dàng thực hiện, tiếp cận được đối tượng nghiên cứu. Tuy nhiên, trong thực tế chủ đề mà tôi lựa chọn nghiên cứu lại có các vấn đề “nhạy cảm” và những thay đổi lớn lao trong cộng đồng của chủ thể được nghiên cứu đã đặt ra rất nhiều thách thức buộc tôi phải vượt qua.

Bài viết này trình bày những trải nghiệm của cá nhân khi thực hiện nghiên cứu điền dã dân tộc học trong một thời gian dài tại một làng ở đồng bằng Bắc Bộ - nơi đã từng diễn ra sự kiện tranh chấp về đất đai sau Đổi mới. Nghiên cứu cho rằng, ngoài tính nhạy cảm của vấn đề và địa bàn nghiên cứu, những chuyển đổi trong đời sống xã hội nông thôn Việt Nam đương đại đòi hỏi các nhà dân tộc học/nhân học ngoài việc áp dụng phương pháp “ba cùng” còn cần linh hoạt hơn khi tiếp cận chủ thể nghiên cứu. Địa bàn nghiên cứu làng ngày nay chỉ là điểm xuất phát cho việc nghiên cứu cấu trúc xã hội nông thôn trong một bối cảnh rộng lớn hơn, hay một chủ đề nghiên cứu mà ở đó mạng lưới kết nối của người dân với bên ngoài ngày càng rộng mở.

1. Chủ đề nghiên cứu về làng

Khởi đầu từ những năm cuối 1950 với nghiên cứu của Eric Wolf về nông dân, làng ở Java và Mesoamerica (Wolf, 1957), khái niệm làng như một cộng đồng cố kết, một đối tượng chung cho sự phát triển cộng đồng và biến đổi xã hội trở nên phổ biến trong các cuộc tranh luận học thuật ở châu Á những năm 1960 - 1970 (Kleinen, 1999, 2-3). Ở Việt Nam, cuối những năm 1970, một số nghiên cứu với quan điểm làng như một cộng đồng cố kết đã tranh luận về bản chất của cộng đồng làng và mối liên quan giữa làng với cách mạng trong các xã hội nông nghiệp (Popkin, 1979; Scott 1976). Hai cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã thu hút các học giả cả trong và ngoài nước quan tâm đến làng như một biểu tượng của tinh thần đấu tranh chống ngoại xâm (Fitzgerald, 1972; McAlister and Mus, 1970; Nguyen Khac Vien, 1974; Phan Đại Doãn, 1992, 1996; Viện Sử học, 1978; ...).

Ngay sau khi Việt Nam tiến hành công cuộc Đổi mới năm 1986 và mở cửa, hội nhập với thế giới bên ngoài, các nhà nhân học nước ngoài đầu tiên đã đến Việt Nam nghiên cứu về những vấn đề còn bỏ ngỏ về làng, được đặt ra bởi các học giả đi trước trong thời chiến tranh, cũng như tìm hiểu sự biến đổi của làng trong bối cảnh mới (Kleinen, 1999; Luong, 1992). Nhiều học giả có các công trình công bố từ khi Việt Nam thực hiện công cuộc Đổi mới cũng khởi đầu sự khám phá làng Việt bằng việc nghiên cứu thực địa ở “mỗi làng riêng của họ” (DiGregorio, 2007; Endres, 2001; Gammeltoft, 1999; Malarney, 1993; Nguyen Van Chinh, 2000; Truong Huyen Chi, 2004, ...). Nguyên nhân chính họ quyết định chọn địa bàn như vậy là để hiểu những biến đổi xã hội diễn ra trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn (Kerkvliet and Porter, 1995). Tuy nhiên, gần đây chúng ta chứng kiến một sự chuyển hướng của các nhà nhân học từ làng sang các địa bàn mới như đô thị hay những nhóm xã hội, nhóm tôn giáo bởi động năng của chuyển đổi xã hội diễn ra ở các tổ chức xã hội này đầy màu sắc sinh động và hấp dẫn hơn (Endres, 2008; Phạm Quỳnh Phương, 2009; Taylor, 2004; ...).

Ở thời điểm tôi bước vào ngành Dân tộc học, các nghiên cứu về làng vẫn là một mảnh đất tương đối "màu mỡ" để khám phá. Các nghiên cứu tập trung để tìm hiểu mối quan hệ giữa làng và nước, trung ương và địa phương, hay các hình thức, động năng của xã hội (Malamet and Nguyen Van Sinh, 1998; Nguyen Van Chinh, 2000; Nguyen Van Suu, 2004; Truong Huyen Chi, 2004). Là một người theo xu hướng nghiên cứu này, tôi quan tâm đến những vấn đề còn bỏ ngỏ. Qua bài giảng của các thầy ở trường đại học và qua thảo luận với các nhà nghiên cứu lâu năm ở Hà Nội chuyên về nông dân và làng xã, tôi nhận thấy có một khoảng trống trong các nghiên cứu về đời sống chính trị, xã hội ở nông thôn đương đại Việt Nam. Nhiều học giả Pháp và Việt Nam (Gourou, 1936; Vu Quoc Thuc, 1973; Viện Sử học, 1978; Trần Tử, 1984; Phan Đại Doãn, 1996;...) đã có những nghiên cứu về đời sống chính trị thường ngày ở các làng quê đồng bằng Bắc Bộ thời kỳ trước Cách mạng, cũng như lý giải cơ chế vận hành của các sự kiện đó; song tôi tự hỏi: liệu các lý giải đó còn phù hợp với hoàn cảnh hiện tại? Bối cảnh xã hội mới có thể được hiểu qua việc áp dụng các cơ chế vận hành trong đời sống làng xã trước Cách mạng hay không?

Chủ đề này trở nên cấp thiết hơn khi hiện tượng nông dân ở Thái Bình và một số địa phương khác ở Bắc Bộ phản ứng lại một số chính sách được thực hiện ở địa phương, như là "một sự phản hồi đối với nền kinh tế thị trường" (Kerkvliet, 2003; Kleinen, 1999). Trong khi báo chí thường cho rằng, đó chỉ là "sự phản ứng tự phát của người dân do bị các đối tượng xấu kích động", thì nhiều người dân bình thường cho rằng, đứng đầu các phong trào này là những cựu chiến binh, cán bộ về hưu, những người có vai trò ảnh hưởng ở các làng quê. Diễn biến của các vấn đề xã hội, chính trị ở một số làng xã này cùng với những khoảng trống trong các nghiên cứu về làng khiến nhiều học giả lại tin, người dân nông thôn Bắc Bộ thường cùng đứng lên phản ứng theo "truyền thống của làng xã", trong mối quan hệ với nhà nước và những người ngoài làng, vì họ nghe theo giới tinh hoa của làng như trí thức, cán bộ nghỉ hưu hay những người có uy tín. Là một nhà nghiên cứu trẻ, tôi cũng bị những luận điểm trên thuyết phục và mong muốn được kiểm chứng.

Tôi đến Đại học Quốc gia Úc với bản đề cương nghiên cứu sinh ban đầu về vai trò của giới tinh hoa làng xã nhằm tìm hiểu các giá trị, ý nghĩa và cơ chế mà những người có ảnh hưởng ở nông thôn tác động tới các sự kiện trong đời sống chính trị, xã hội hàng ngày của làng. Tôi không hề quan tâm đến việc các sự kiện đó được khởi nguồn từ chính người dân bình thường và phản ánh mong muốn của họ hay không. Sau này, khi khảo sát thực tế tôi mới nhận ra cách tiếp cận đó không phù hợp. Khi tôi hỏi người dân trong làng "Ai là người uy tín trong làng?", đa phần câu trả lời là: "không biết"; một số ý kiến trả lời rằng, có một vài cán bộ địa phương hay người cao tuổi trong làng đã từng được coi là có uy tín, nhưng gần đây vì lý do nào đó đã bị mất uy tín. Dần dần tôi phát hiện ra có những ông đồng, bà đồng hành nghề trong đền Mẫu Tứ phủ ở các làng bên lại có ảnh hưởng đến nhiều phụ nữ ở làng tôi nghiên cứu. Bên cạnh đó, tôi nhận thấy quan hệ, tương tác giữa con người trong làng mới là điều quan trọng. Phần lớn kết quả nghiên cứu của tôi sau này đều liên quan đến sự

tương tác giữa những người dân bình thường với nhau chứ không phải giữa người dân thường với những người có uy tín. Điều này khiến tôi đổi hướng nghiên cứu từ giới tinh hoa sang nghiên cứu cộng đồng và từ động thái của đời sống chính trị - xã hội sang các quan hệ xã hội. Tôi đã để người dân trong làng chỉ cho tôi biết về cuộc sống của họ một cách tự nhiên nhất. Đến đây, bài viết không trình bày kết quả nghiên cứu mà chia sẻ trải nghiệm của tôi trong quá trình nghiên cứu thực địa, từ đó đặt ra một số vấn đề thảo luận về điền dã dân tộc học tại cộng đồng làng ở châu thổ Bắc Bộ Việt Nam đương đại.

2. Những trải nghiệm trong nghiên cứu thực địa ở làng

Theo giả thiết ban đầu đặt ra, tôi dành nhiều thì giờ cho việc chọn địa bàn nghiên cứu là một làng ở Bắc Bộ từng diễn ra những sự kiện cộng đồng làng phản ứng và đối thoại với các thế lực bên ngoài để xem vai trò của giới tinh hoa trong đó, chẳng hạn như một số làng ở Bắc Ninh - nơi các học giả đi trước đã phát hiện những điều thú vị về quá trình tái cấu trúc cộng đồng làng thông qua việc xây dựng lại các công trình di tích của làng (DiGregorio, 2007), hay nơi diễn ra phản ứng của người dân sau khi các nhà khoa học công bố những tư liệu mà họ cho rằng không đúng với lịch sử, bản sắc văn hoá của làng quê họ (Ho Tai, 2001). Ngoài ra, tôi cũng quan tâm đến các làng đã diễn ra những xung đột với các làng bên cạnh. Cuối cùng, tôi đã chọn một làng quê vùng chiêm trũng, cách trung tâm thành phố Hà Nội chừng hơn 60 km. Đó là làng Lác mà nguồn gốc tên gọi của nó được dân làng giải thích rằng, trước đây vùng đất của họ có nhiều cây lác mọc um tùm. Người dân các làng xung quanh thường ví von tính cách của người làng Lác cũng sắc cạnh như những chiếc lá đó. Vào năm 2008, làng có 1.036 hộ, 4.297 khẩu. Người dân trong làng rất cần cù, năng động. Ngoài nông nghiệp, các hộ gia đình còn làm nhiều nghề thủ công kết hợp buôn bán. Quan trọng hơn, nơi đây đã từng diễn ra tranh chấp về đất đai với một làng bên cạnh những năm đầu thực hiện Đổi mới. Sau chuyến thăm tiền trạm, được cán bộ địa phương tạo điều kiện để làm việc, tôi quyết định chọn làng này làm địa bàn nghiên cứu mà không hề nhận ra bao khó khăn và thách thức chờ đợi ở phía trước.

Thời gian thực địa của tôi được tiến hành từ tháng 7 năm 2007 tới cuối tháng 5 năm 2008. Nói một cách ngắn gọn về phương pháp nghiên cứu, tôi đã nghiên cứu “at home” (tại quê hương bản xứ), trong một đơn vị truyền thống theo cách nhìn của Nhân học “bounded unit” (đơn vị đóng kín) (Jackson, 1987) là một cộng đồng làng, áp dụng các phương pháp điển hình của Nhân học là phỏng vấn và quan sát tham dự.

Trước hết, giống như các cộng đồng làng khác, làng Lác đã biến đổi theo xu hướng mở rộng. Khi nghiên cứu thực địa, tôi không chỉ tham gia vào các hoạt động, mạng lưới xã hội của người dân trong và ngoài làng mà còn gặp gỡ những người sinh sống, làm ăn ở các nơi về thăm làng, hay những người từ bên ngoài vào làng làm ăn, sinh sống nhưng có ảnh hưởng tới đời sống của làng, như các đồng thầy, thầy bói, nhà sư, nhà báo,... Do vậy, ngoài các hoạt động ở trong làng, tôi cũng tới các tỉnh lân cận, thông qua các chuyến đi lễ, tham

quan cùng người làng, tham gia vào các mạng lưới xã hội, tôn giáo của một số người dân ở các làng trong vùng, thăm người làng đang làm việc sinh sống ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, hay đơn giản là nói chuyện điện thoại với một vài người làng đang làm ăn ở châu Âu. Trước khi đi điền dã, tôi không thể tưởng tượng các nhà khoa học khác làm thế nào khi thực hiện nghiên cứu không dựa trên cộng đồng cư trú như làng (Endres, 2008; Phạm Quỳnh Phương, 2009; Taylor, 2004). Nhưng rồi việc phải xử lý linh hoạt tình huống thực tế khi tiến hành nghiên cứu này đã cho tôi thấy không nên sợ những địa bàn nghiên cứu vượt quá không gian một làng. Trong thực tế, sống tại làng Lác cũng chỉ là điểm xuất phát cho việc nghiên cứu cấu trúc xã hội nông thôn trong một bối cảnh rộng lớn hơn. Điều này thể hiện ở việc, có ít nhất hai chương trong luận án của tôi viết về những người bên ngoài và những vị khách đặc biệt của làng. Ở phần cuối, nghiên cứu thậm chí còn chỉ ra những nhận định không còn phù hợp về làng ngày nay. Tất cả điều này phản ánh sự thích nghi của các nhà nhân học đối với tính năng động của địa bàn nghiên cứu hay sự thích ứng của phương pháp truyền thống với đòi hỏi mới của thực tế (Gupta and Ferguson, 1997: 39-40).

Mặc dù được nghiên cứu thực địa tại Việt Nam, trong chính văn hoá và ngôn ngữ mẹ đẻ, nhưng tôi vẫn gặp vô vàn khó khăn. Trước hết, không dễ để có thể xa gia đình đến sống trong một cộng đồng xa lạ. Dù đã quen thuộc với cuộc sống ở nông thôn, nhưng mỗi làng lại có cách sống riêng khiến nhà nghiên cứu dễ cảm thấy mình là một người xa lạ (Jackson, 1987). Người dân nông thôn ngày nay rất năng động và bận rộn nên không dễ để tiếp cận các thông tin viên như trong kế hoạch. Tôi thường phải sắp xếp lịch hẹn một cách linh hoạt mỗi ngày. Thông thường, tôi hẹn gặp trong giờ làm việc hành chính với người già hay những người làm việc ở nhà để họ vừa kết hợp bán hàng, làm nghề thủ công vừa nói chuyện với tôi. Với những người bận rộn, tôi cố gắng để gặp họ vào những giờ nghỉ ngơi. Thời gian đầu, tôi cảm thấy nản lòng, bởi không thể tìm được ai để nói chuyện và không biết phải làm gì ở thực địa. Một phần vì bận công việc làm ăn, người dân nông thôn ngày nay ngại nói chuyện với người ngoài. Một phần vì người dân trong làng bây giờ thường để nhaim nhà nghiên cứu họ gặp lần đầu với các nhân viên tiếp thị, những người đến để làm phiền họ (Nguyễn Văn Sửu, 2007).

Các nhà nhân học thường gặp phải những khó khăn trên nhưng có thể nhanh chóng vượt qua khi ở lâu trên thực địa và mở rộng các mối quan hệ với người dân trong cộng đồng. Trong trường hợp nghiên cứu này, tôi đã trải qua một tình thế khó khăn hơn, gặp phải nhiều thách thức khi chọn một làng được coi là “phức tạp”, “có vấn đề”. Sau này tôi mới hiểu là chỉ có cán bộ địa phương chào đón tôi đến nghiên cứu, còn người dân thì không. Sau sự kiện tranh chấp đất đai với làng bên cạnh hơn mười năm trước, người dân làng Lác vẫn ngại tiếp xúc với giới nghiên cứu, báo chí. Kinh nghiệm từ câu chuyện cũ khiến người dân nghi ngờ tôi sẽ làm những điều không tốt đối với họ. Ngay cả chị chủ nhà tôi ở nhờ lúc đầu cũng nghi ngờ tôi. Tôi đã phải kiên nhẫn, vượt qua những cảm giác bất lực, không được tin tưởng và không được tôn trọng để “ở lại làng” nghiên cứu.

Phụ nữ là những người thể hiện rõ nhất thái độ của họ đối với sự hiện diện của tôi ở làng trong thời gian đầu. Trong những tuần đầu, một số phụ nữ từ chối gặp khi tôi đến nhà họ. Khi tôi nói chuyện với một số nam giới, các bà vợ của họ cũng tìm cách ngăn cản bằng cách nhắc khéo chồng đi làm việc khác. Thách thức lên tới đỉnh điểm khi có một phụ nữ trong làng thậm chí phản ứng gay gắt khi tôi đến gặp, nói chuyện với chồng bà - một cán bộ xã nghỉ hưu.

Sự kiện trên khiến tôi phải xem xét cách tiếp cận khác, phù hợp hơn để “tồn tại được ở trong làng”. Tôi quyết định bắt đầu bằng việc tiếp cận những người có thể hiểu được công việc của mình tốt hơn. Tham gia gặp gỡ tổ thơ của làng trở thành một quyết định sáng suốt. Ở đó, tôi đã gặp được hơn 10 người lớn tuổi trong làng. Họ là những người làng Lác đầu tiên tôn trọng tôi, cởi mở với tôi. Qua họ, tôi được giới thiệu đến nhiều người khác trong làng - những người họ hàng, bạn bè của họ. Nhờ đó, tôi mới được tiếp đón và trò chuyện thân thiện hơn. Tôi cũng xin phép được tham gia và được mời tham dự một số nghi lễ của đình, chùa, các dòng họ. Khởi đầu bằng việc chụp ảnh, quan sát các hoạt động nghi lễ, thay vì “đôn đáo, chăm chăm” vào việc phỏng vấn, tôi làm cho dân làng bớt e ngại và hiểu rằng tôi thực sự là người đang làm công việc nghiên cứu. Mọi người vui khi nhận ra rằng, tôi và họ có cùng mối quan tâm chung về tâm linh và có chung niềm tin, điều đó đã thực sự giúp tôi hoà nhập được với người dân trong làng.

Sau ba tháng, bằng việc chứng minh cho dân làng thấy rằng, tôi chỉ là một người làm nghiên cứu, người thực sự muốn sống ở làng để tìm hiểu tất cả các khía cạnh của đời sống nông thôn. Bằng việc tham gia vào các nghi lễ, tôi đã vượt qua sự nghi ngờ và giữ khoảng cách của dân làng. Khi mọi người biết tôi nhiều hơn, tôi đã có thể tham gia nhiều hơn vào các hoạt động chung của làng như hội họp, các dịp cưới xin, ma chay của nhiều gia đình. Với từng sự kiện tham gia, tôi đều có lễ lạt hoặc quà biếu, quà mừng - như là một cách quan trọng để thể hiện sự tôn trọng, tình cảm của tôi đối với dân làng, các cá nhân và gia đình trong làng. Nhờ đó, tôi đã nhận được sự chấp nhận và tình cảm đáp lại của bà con.

Ngoài ra, người thân của tôi cũng đôi lần xuống làng thăm và tham gia một vài sự kiện như hội làng, Tết hay đám cưới. Với việc “đưa cả gia đình xuống thực địa”, tôi chứng tỏ thái độ nghiêm túc của mình trong xây dựng quan hệ với người dân trong làng. Sau này, tôi mới biết, sự xuất hiện của gia đình tôi đã xóa bỏ nghi ngờ của một số người dân trong làng về tôi, nhất là với số ít người có những bình phẩm về nghề nghiệp và tư cách của một phụ nữ mà họ coi là “suốt ngày lang thang ở làng người khác”.

Sáu tháng cuối ở làng Lác là khoảng thời gian hạnh phúc nhất của tôi trong quá trình thực địa. Tôi đã thực sự được người dân trong làng tin tưởng, tôn trọng và thương yêu. Công việc của tôi trở nên dễ dàng hơn. Nhiều người dân trong làng đã dành cho tôi những lời động viên, khen ngợi. Từ một người không được coi trọng trong những ngày đầu, tôi dần trở nên thân thiết hơn. Ngoại trừ một số người gọi tôi là tiến sĩ, nhiều người thích gọi tôi là nhà báo.

Khi tôi nói rằng tôi không phải nhà báo, họ nói họ biết như vậy nhưng thích gọi thế “cho nó oai”. Và như vậy, “Bình nhà báo” là biệt danh của tôi ở làng. Song, chính do được sự tin tưởng, tình cảm của đa số người dân trong làng mà trong những tháng cuối của quá trình thực địa, đôi khi tôi bị đặt vào tình thế là người trung gian, giải quyết khó khăn, rắc rối cho một số “nhân vật có máu mặt” trong làng.

Tình cảm mà tôi có được từ dân làng cũng được thể hiện bằng nhiều lời mời tôi nhà ăn cơm, nhiều bữa tiệc chia tay giữa tôi với một số nhóm, hội và gia đình trong làng khi tôi sắp rời thực địa. Tổ thơ của làng còn tặng một tập thơ cho tôi, trong đó có bài về tôi. Dù mộc mạc song bài thơ đã khắc họa khá rõ nét phần nào quãng thời gian điền dã của tôi ở làng cũng như những tình cảm và mong đợi mà dân làng dành cho tôi. Nội dung bài thơ có những câu vi von thời gian đầu về làng nghiên cứu, tình cảm của tôi và dân làng như cây mới đem trồng, và khi chia tay tôi đã được người dân thương nhớ.

Thay lời kết

Giờ đây, khi đã có sự trưởng thành nhất định trên con đường nghiên cứu, mỗi khi đọc bài thơ đó, tôi nhớ đến những ngày đầu điền dã, cơ hội nghiên cứu của tôi ở cộng đồng này thật mong manh như cây non mới trồng: dần dần cứng cáp và “bám rễ” được ở làng để thực hiện công việc nghiên cứu của mình. Thực tế của những tháng ngày điền dã tại làng Lác cho thấy, chỉ có thể sống một thời gian lâu tại làng, xây dựng mối quan hệ tình cảm với người dân trong làng, tôi mới có thể hoàn thành được mục tiêu công việc đặt ra. Tuy nhiên, cũng bởi những tình cảm và quan hệ đó, người dân luôn mong chờ ở tôi một sự chính tâm, chính nghĩa. Những nhận xét trên của người dân về quá trình điền dã của tôi cũng nhắc tôi nhớ tới phương pháp “ba cùng” mà các thầy dân tộc học đã dạy cho tôi ở Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn: “cùng ăn, cùng ở, cùng làm”. Đối với tôi, chuyên nghiên cứu điền dã này là dài nhất, có ý nghĩa nhất trong cuộc đời nghiên cứu của mình. Nó không chỉ dạy tôi hoàn thiện kỹ năng nghiên cứu mà còn dạy tôi phải sống như thế nào, tự điều chỉnh bản thân như thế nào để được chấp nhận trong cộng đồng.

Gạt đi những khía cạnh cảm xúc riêng tư, trải nghiệm điền dã dân tộc học trên cho thấy, trong bối cảnh đời sống xã hội nông thôn chuyển đổi theo hướng hiện đại hóa, người dân trong làng không có nhiều thời gian nhàn rỗi và sự hiếu khách như trước kia. Nhà nghiên cứu cần phải linh hoạt hơn trong sắp xếp lịch làm việc; thực hành việc xây dựng mối quan hệ tốt hơn để có thể tiếp cận được chủ thể nghiên cứu. Đời sống của người dân trong làng ngày càng gắn kết, mở rộng với thế giới bên ngoài, đòi hỏi nhà nghiên cứu luôn trong tâm thế chủ động vượt qua giới hạn địa bàn nghiên cứu ở làng. Đối với chủ đề nghiên cứu nhạy cảm, ngoài việc thực hiện phương pháp “ba cùng” trong điền dã dân tộc học, người nghiên cứu nên lưu ý tập trung giải thích để người dân hiểu rõ mục đích nghiên cứu, vị trí và vai trò của nhà nghiên cứu trước khi đi sâu tìm hiểu nội dung nghiên cứu. Cuối cùng, có thể nói rằng

diễn dã Dân tộc học dài ngày vẫn luôn là giải pháp quan trọng để vượt qua mọi khó khăn, thách thức của bất cứ nghiên cứu nào.

Tài liệu tham khảo

1. Truong, Huyen Chi (2004), "Winter Crop and Spring Festival: The Contestations of Local Government in a Red River Delta Commune", trong: *Beyond Hanoi: Local Government in Vietnam*, NIAS Press.
2. Nguyen, Van Chinh (2000), *Work without name: Changing Patterns of Children's work in a Northern Vietnamese Village*, Ph.D thesis, University van Amsterdam.
3. Phan Đại Doãn (1992), *Làng Việt Nam: một số vấn đề kinh tế xã hội*, Nxb. Mũi Cà Mau.
4. Phan Đại Doãn (1996), *Quản lý xã hội nông thôn - vấn đề và giải pháp*. Nxb. Chính trị quốc gia
5. DiGregorio, Michael (2007), "Things held in common: Memory, space and the reconstitution of community life", *Journal of Southeast Asian Studies* 38(3), tr. 441-465.
6. Endres, Kirsten (2001), "Local Dynamics of Renegotiating Ritual Space in Northern Vietnam: The Case of the *Dinh*", *SOJOURN* 16(1), tr. 70-101.
7. Endres, Kirsten (2008), "Engaging the spirits of the dead: soul-calling rituals and the performative construction of efficacy", *Journal of the Royal Anthropological Institute* (N.S.) 14, tr. 755-773.
8. Gupta, Akhil and James Ferguson (Chủ biên, 1997), *Discipline and Practice: "The Field" as Site, Method and Location in Anthropology*, University of California Press.
9. Ho Tai, Hue-Tam (2001), "Manure and Modernity: Villagers and Ethnographers in Dong Ky village", *Vietnamese Studies and Annual Meetings of the Associations for Asian Studies*, Chicago, March 22-25, 2001.
10. Jackson, Anthony, (1987), *Anthropology at Home*. London and New York, Tavistock.
11. Kerkvliet, Benedict J. (2003), "Authorities and the People: An Analysis of State-Society Relations in Vietnam", in: *Postwar Vietnam: Dynamics of a Transforming Society*, Singapore and Rowman & Littlefield Publishers, INC
12. Kleinen, John (1999), *Facing the future, reviving the past: a study of social change in a Northern Vietnamese village*, Institute of Southeast Asian Studies.
13. Luong, Hy Van (1992), *Revolution in the Village: Tradition and Transformation in North Vietnam, 1925-1988*, University of Hawaii Press.

14. Malamey, Shaun Kingsley (1993), *Ritual and revolution in Viet Nam*, The University of Michigan.
15. Malarney, Shaun Kingsley, Le Van Sinh (1998), "The Role of Women in the Reconstruction of Communal House Rites in the Outskirts of Hanoi", *Paper presented at International Conference on Vietnamese Studies*, Hanoi.
16. McAlister, John T. and Paul Mus (1970), *The Vietnamese and Their Revolution*, Harper Row Publishers.
17. Nguyen, Khac Vien (1974), *Tradition and Revolution in Vietnam*, Indochina Resource Center.
18. Popkin, Samuel L. (1979), *The Rational Peasant: The Political Economy of Rural Society in Vietnam*, University of California Press.
19. Pham, Quynh Phuong (2009), *Hero and Deity: Tran Hung Dao and the Resurgence of Popular Religion in Vietnam*, Mekong Press.
20. Scott, James (1976), *The Moral Economy of the Peasant*, Yale University Press.
21. Nguyen, Van Suu (2004), *Contending Views and Conflicts over Land in the Red River Delta since Decollectivization*, Ph.D thesis, Australian National University.
22. Nguyễn Văn Sửu (2007) "Mâu thuẫn giữa nhà nước và người dân trong thu hồi quyền sử dụng đất ở Việt Nam: Vấn đề phương pháp nghiên cứu thực địa", *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3, tr. 44-56.23.
23. Taylor, Philip (2004), *Goddess on the rise: pilgrimage and popular religion in Vietnam*, University of Hawaii Press.
24. Trần Từ (1984), *Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc bộ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
25. Viện Sử học (1978), *Nông thôn Việt Nam trong lịch sử: nghiên cứu xã hội nông thôn truyền thống*, tập 2, Nxb. Khoa học xã hội.
26. Vu, Quoc Thuc (1973), *L'economie Communaliste du Vietnam (Nền Kinh tế xã thôn Việt Nam)*, Ed. Presse Universitaire, Ha Noi (bản dịch thư viện Viện Sử học).
27. Wolf, Eric R. (1957), "Closed Corporate Communities in Mesoamerica" and Java, *Southwestern Journal of Anthropology* 13 (1), tr. 1-18.